



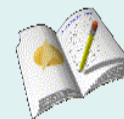
**Chào mừng các em đến với
lớp học trực tuyến**

TIẾT 32

TIẾNG VIỆT

TRAU DỒI VỐN TỪ **(KK học sinh tự đọc)**

HS ghi bài bên trái sile có biểu tượng





TRAU DÒI VỐN TỪ

I. Rèn luyện để nắm vững nghĩa của từ và cách dùng từ

1. Ví dụ/ sgk/99,100

* Ví dụ 1

- Tiếng Việt có khả năng lớn trong việc diễn đạt tư tưởng, tình cảm
- Phải rèn luyện, trau dồi vốn từ

Qua ý kiến sau đây, em hiểu tác giả muốn nói điều gì?

“ Trong tiếng ta, một chữ có thể dùng để diễn tả rất nhiều ý; hoặc ngược lại, một ý nhưng lại có bao nhiêu chữ để diễn tả. Vì vậy nếu nói tiếng Việt của ta có những khả năng rất lớn để diễn đạt tư tưởng và tình cảm trong nhiều thể văn thì điều đó hoàn toàn đúng. Không sợ tiếng ta nghèo, chỉ sợ chúng ta không biết dùng tiếng ta. ”

(Phạm Văn Đồng, Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt)



I. Rèn luyện để nắm vững nghĩa của từ và cách dùng từ

1. Ví dụ/ sgk/99,100

* **Ví dụ 2:** Xác định lỗi diễn đạt trong các câu sau

a, Thừa từ *đẹp* vì *thắng cảnh* có nghĩa là *cảnh đẹp* → đã dùng *thắng cảnh* thì không dùng từ *đẹp* nữa.

b, Sai từ *dự đoán* vì *dự đoán* có nghĩa là *đoán trước tình hình, sự việc nào đó có thể xảy ra trong tương lai*.

a, Việt Nam chúng ta có rất nhiều thắng cảnh đẹp.

→ Sửa: Việt Nam chúng ta có rất nhiều thắng cảnh (*cảnh đẹp*).

b, Các nhà khoa học dự đoán những chiếc bình này đã có cách đây khoảng 2500 năm.

→ Sửa: Các nhà khoa học ước đoán (*phỏng đoán/ ước tính*) những chiếc bình này đã có cách đây khoảng 2500 năm.



TRAU DỒI VỐN TỪ

I. Rèn luyện để nắm vững nghĩa của từ và cách dùng từ

1. Ví dụ/ sgk/99,100

* **Ví dụ 2:** Xác định lỗi diễn đạt trong các câu sau

c, Sai từ *đẩy mạnh* vì *đẩy mạnh* nghĩa là *thúc đẩy cho phát triển nhanh lên*.

c, Trong những năm gần đây, nhà trường đã đẩy mạnh quy mô đào tạo để đáp ứng nhu cầu học tập của xã hội.

→ **Sửa:** Trong những năm gần đây nhà trường đã mở rộng quy mô đào tạo để đáp ứng nhu cầu học tập của xã hội.

TRAU DÒI VỐN TỪ



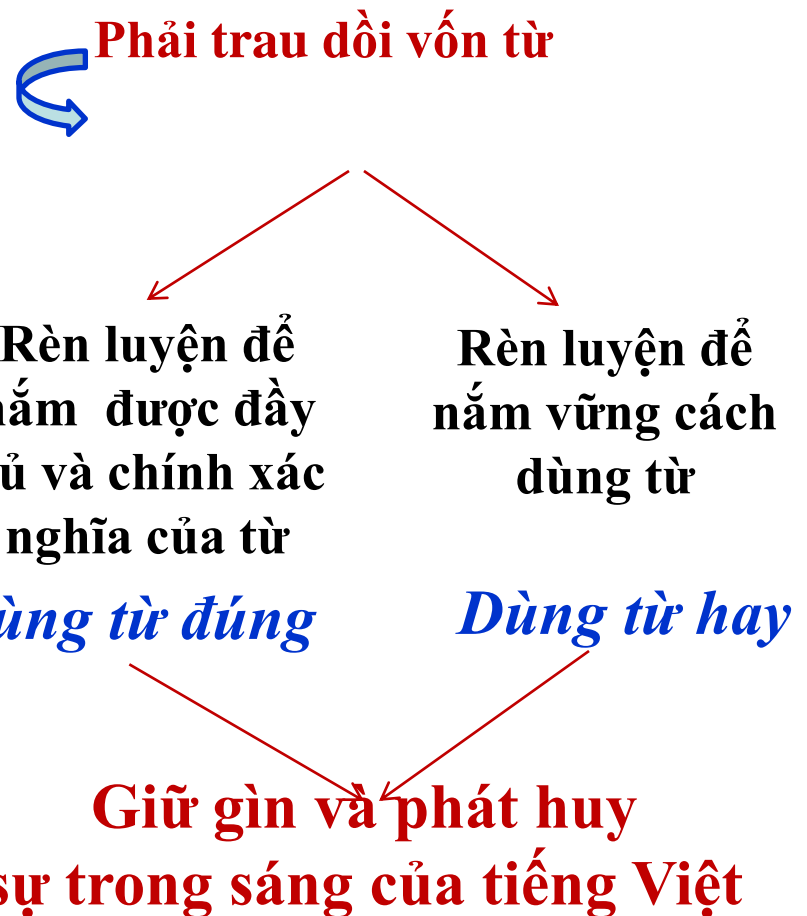
I. Rèn luyện để nắm vững nghĩa của từ và cách dùng từ

2. Nhận xét

Ghi nhớ: sgk/100

Giải thích vì sao có những lỗi trên, vì *tiếng ta nghèo* hay vì người viết *không biết dùng tiếng ta*?

Để *biết dùng tiếng ta* cần phải làm gì?



TRAU DỒI VỐN TỪ

Bài tập 1: sgk/101

Chọn cách giải thích đúng:

Hậu quả là:

- a) kết quả sau cùng **b) kết quả xấu**

Đoạt là:

- a) chiếm được phần thắng** b) thu được kết quả tốt

Tinh tú là:

- a) phần thuần khiết và quý báu nhất **b) sao trên trời (nói khái quát)**

TRAU DỒI VỐN TỪ

Bài tập 3: sgk/102

Sửa lỗi dùng từ trong những câu sau:

a) Về khuya, đường phố rất **im lặng**.

→ Sửa: Thay *im lặng* bằng *vắng lặng, yên tĩnh, ...*

b) Trong thời kì đổi mới, Việt Nam đã **thành lập** quan hệ ngoại giao với hầu hết các nước trên thế giới.

→ Sửa: Thay *thành lập* bằng *thiết lập*.

c) Những hoạt động từ thiện của ông khiến chúng tôi rất **cảm xúc**.

→ Sửa: Thay *cảm xúc* bằng *xúc động, cảm phục, ...*



II. Rèn luyện để làm tăng vốn từ

1. Ví dụ/sgk/100,101 Ý kiến của nhà văn Tô Hoài

Từ lúc chưa có ý thức, cho tới lúc có ý thức, chúng ta đã học chữ của Nguyễn Du. Chắc ai cũng đồng ý với tôi rằng nếu chữ nghĩa” Truyện Kiều” mà xoàng xĩnh thôi thì chắc “ Truyện Kiều”, dù tư tưởng có sâu xa đến đâu, cũng chưa thể thành sách của mọi người. Tôi càng phục tài học và sức sáng tạo của Nguyễn Du trong chữ nghĩa, khi tôi đọc đến câu thơ ông viết ông đã “ ở trong ruộng bãi để học câu hát hay của người trồng dâu”. Đó không phải là một câu nói bóng mà đó là một lời tâm sự, một kế hoạch học chữ, hay nói theo cách của chúng ta ngày nay: Nguyễn Du đã đi vào học lời ăn tiếng nói nhân dân, cơ sở sáng tạo ngôn ngữ của nhà thơ thiên tài dựa thẳng vào đấy

Xin kể hai ví dụ, câu thơ Nguyễn du có chữ “ áy” (cỏ áy bóng tà...). Chữ “áy” ấy, tài giỏi đến độ dù ta không hiểu, nó cũng hiện lên sự ảm đạm. Cho tới năm trước, có dịp đi Thái Bình, về huyện Thái Ninh, tôi được biết chữ “áy” là tiếng của vùng quê đấy. Quê vợ Nguyễn Du ở Thái Bình, Nguyễn Du đã ở lâu đất Thái Bình, “ cỏ áy” có nghĩa là cỏ vàng úa. Tiếng “áy” ở Thái Bình đã vào văn chương “ Truyện Kiều” và trở thành tuyệt vời

Ví dụ nữa, ba chữ “ bén duyên tơ” ở “ Truyện Kiều”. Thông thường, ta hiểu “ bén duyên” có thể gần gũi với câu tục ngữ “ Lửa gần rơm lâu ngày cũng bén”. Nhưng không phải. Trong nghề ươm tơ, lúc tháo con tằm lấy tơ thì người ta ngâm tằm vào nồi nước nóng, rồi đem guồng ra, vớt tơ lên quay vào guồng, lúc sợi tơ bắt đầu quay vào guồng, người ta gọi là “ tơ bén”. Nếu chỉ viết “ bén duyên” không thì còn có thể ngờ, chứ “ bén duyên tơ” thì rõ ràng Nguyễn Du của chúng ta đã nghe, học và sáng tạo trên cơ sở công việc của người hái dâu chăn tằm. Nguyễn du đã trau dồi ngôn ngữ, đêm ngày mài dũa chữ nghĩa kì khu biết chừng nào!

(Theo Tô Hoài, Mỗi chữ phải là một hạt ngọc)



TRAU DÒI VỐN TỪ

II. Rèn luyện để làm tăng vốn từ

1. Ví dụ /sgk/100,101: Ý kiến nhà văn Tô Hoài

- Phân tích quá trình trau dồi vốn từ của thi hào Nguyễn Du bằng cách học lời ăn tiếng nói của nhân dân.

- Học hỏi để biết thêm những từ mà mình chưa biết.

2. Kết luận:

- Rèn luyện để biết thêm từ chưa biết
- Làm tăng vốn từ là việc làm thường xuyên

Qu

H

N

Để trau dồi vốn từ, ngoài việc cần rèn luyện để nắm được đầy đủ, chính xác nghĩa của từ và cách dùng từ, chúng ta còn cần phải làm gì?

- ... và
sáng ... ng việc của
ngườ ... dân ... m.



TRAU DÒI VỐN TỪ

I. Rèn luyện để nắm vững nghĩa của từ và cách dùng từ

II. Rèn luyện để làm tăng vốn từ

III. Luyện tập

Học sinh làm các bài tập còn lại trong sgk/102,103

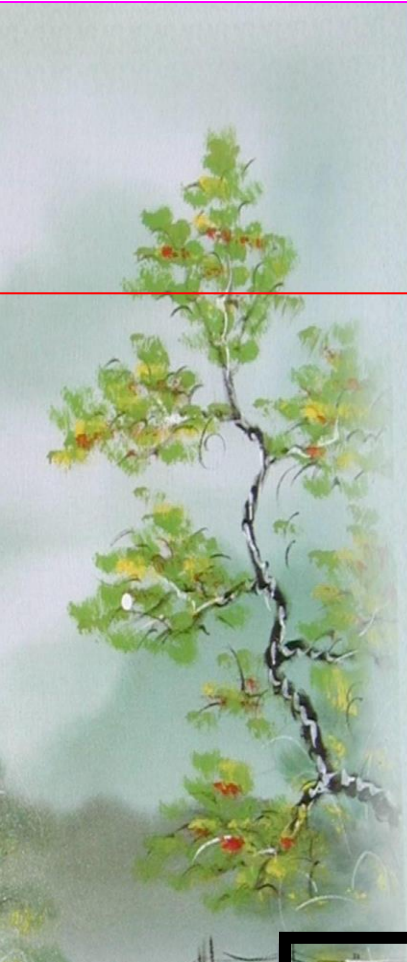
HỆ THỐNG KIẾN THỨC

**Trau dồi
vốn từ**

**Nắm chính
xác nghĩa
của từ**

**Biết cách
dùng từ**

**Làm tăng
Vốn từ
về số lượng**





TIẾT 30

TIẾNG VIỆT

THUẬT NGỮ

(KK học sinh tự đọc)





THUẬT NGỮ

I. Thuật ngữ là gì?

1/ Ví dụ /SGK/87

Ví dụ 1

a. Cách giải thích dựa vào đặc tính bên ngoài của sự vật

→ Cảm tính.

b. Cách giải thích dựa vào đặc tính bên trong của sự vật

→ Nghiên cứu khoa học.

So sánh hai cách giải thích về nghĩa của từ *nước* và từ *muối*:

a. Cách 1:

- **Nước** là chất lỏng không màu, không mùi, có trong, sông hồ, biển...
- **Muối** là tinh thể trắng, vị mặn, thường được tách ra từ nước biển, dùng để ăn.

b. Cách 2:

- **Nước** là hợp chất của các nguyên tố hi-đrô và ô-xi, có công thức là H_2O .
- **Muối** là hợp chất mà phân tử gồm có một hay nhiều nguyên tử kim loại liên kết với một hay nhiều gốc a-xít.



THUẬT NGỮ

I. Thuật ngữ là gì?

1/ Ví dụ /SGK/87

Ví dụ 2

Từ ngữ: *thạch nhũ*,
ba-dơ, *ân dụ*, *phân số thập phân*

-> Chủ yếu dùng trong VB khoa học, công nghệ.

2/ Ghi nhớ /SGK/88

- *Thạch nhũ* là sản phẩm hình thành trong các hang động do sự nhỏ giọt của dung dịch đá vôi hoà tan trong nước có chứa a-xít cac-bô-níc.

ĐỊA LÝ

- *Ba-dơ* là hợp chất, mà *phân tử* gồm có một nguyên tử kim loại liên kết với một hay nhiều nhóm hi-đrô-xít.
đặc điểm như chúng ta vừa tìm hiểu

HÓA HỌC

- *Ân dụ* là gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên của sự vật, hiện tượng khác có nét tương tự.

Vậy thuật ngữ là gì?

- *Phân số* là một số mà mẫu là lũy thừa của 10.

TOÁN HỌC



THUẬT NGỮ

II. Đặc điểm của thuật ngữ

1. Ví dụ /sgk/ 88

* Ví dụ 1

Ví dụ 1: sgk/87

- **Nước** là hợp chất của các nguyên tố hi-đrô và ô-xi, có công thức là H_2O .
- **Muối** là hợp chất mà phân tử gồm có một hay nhiều nguyên tử kim loại liên kết với một hay nhiều gốc a-xít.
- **Thạch nhũ** là sản phẩm hình thành trong các hang động do sự nhỏ giọt của dung dịch đá vôi hoà tan trong nước có chứa a-xít cac-bô-níc.
- **Ba-dơ** là hợp chất mà phân tử gồm có một nguyên tử kim loại liên kết với một hay nhiều nhóm hi-đrô-xít.
- **Ẩn dụ** là gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật, hiện tượng khác có nét tương đồng với nó.
- **Phân số thập phân** là phân số mà mẫu là lũy thừa của 10.

Thử tìm xem những thuật ngữ dẫn trong ngữ liệu trên còn có nghĩa nào khác không?



THUẬT NGỮ

II. Đặc điểm của thuật ngữ

1. Ví dụ/sgk/88

* Ví dụ 1

-> Mỗi thuật ngữ chỉ tương ứng với một khái niệm, và ngược lại, mỗi khái niệm chỉ được biểu thị bằng một thuật ngữ.

Ví dụ 2

=> Những thuật ngữ dẫn trong ngữ liệu trên không có nghĩa nào khác.

-> Mỗi thuật ngữ chỉ tương ứng với một khái niệm

Qua ví dụ vừa phân tích, em thấy thuật ngữ có đặc điểm gì?



THUẬT NGỮ

II. Đặc điểm của thuật ngữ

1. Ví dụ /sgk/ 88

Ví dụ 2

-> Thuật ngữ không có tính biểu cảm.

2. Ghi nhớ 2/sgk/89

Từ muối nào có sắc thái biểu cảm?

a. **Muối** là một hợp chất có thể hoà tan trong nước.

-> Chỉ đặc đi?
 -> Muối : k
 => Muối

Qua ví dụ trên
 vừa phân tích, em
 hãy rút ra đặc
 điểm tiếp theo
 của thuật ngữ?

b. Tay nâ
 Gừng cay **muối** mặ
 (Ca dao)

-> “Gừng cay muối mặn”: Chỉ tình cảm
 sâu đậm của con người. (Ẩn dụ)
 => Có tính biểu cảm.
 -> “Muối” là một từ thông thường.



III. Luyện tập

Bài tập 2/sgk/90

- “**Điểm tựa**” (Vật lí) : “**Điểm cố định của một đòn bẩy**”.
- “**Điểm tựa**” (trong đoạn thơ): nơi làm chỗ dựa chính, gửi gắm niềm tin hi vọng

Đọc đoạn trích sau:

Nếu được làm hạt giống để mùa sau

*Nếu lịch sử chọn ta làm **điểm tựa***

Vui gì hơn làm người lính đi đầu

Trong đêm tối tim ta làm ngọn lửa!

(Tố Hữu, *Chào xuân 67*)

Từ “**điểm tựa**” ở đoạn trích trên có được dùng như một thuật ngữ vật lý hay không? “**Điểm tựa**” ở đây có nghĩa gì?

CỦNG CỐ

THUẬT NGỮ

Khái niệm

- Là những từ ngữ biểu thị khái niệm khoa học công nghệ và dùng trong văn bản khoa học công nghệ.

Đặc điểm

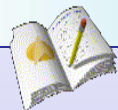
+ Mỗi thuật ngữ chỉ được biểu thị bằng một khái niệm và ngược lại một khái niệm chỉ được biểu thị bằng một thuật ngữ.

+ Thuật ngữ không có tính biểu cảm.

Ví dụ

+ **Nước** là hợp chất của các nguyên tố hi-đrô và ô-xi, có công thức là H_2O .

DẶN DÒ



- Học sinh nắm vững kiến thức lí thuyết.
- Hoàn thiện các bài tập còn lại trong SGK.
- Soạn bài: Tổng kết từ vựng; Chuẩn bị ôn tập kiểm tra giữa kì





CHÚC CÁC EM HỌC TỐT!

